

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS – ST
Ngày: 30/9/2019
“*V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Huy Cừu.
2. Ông Siu Jong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST – DS, ngày 16 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST – DS, ngày 13 tháng 9 năm 2019.

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N.
Địa chỉ: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T; Chức vụ – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 22/UQ – NHNTGL, ngày 09/4/2019): Ông Nguyễn Tấn Đ; Chức vụ – Trưởng phòng giao dịch Chư Sê – Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh Gia Lai.

Địa chỉ: thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (Viết tắt là: Ngân hàng).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q
Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng Giao dịch Chư Sê cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q vay vốn theo Hợp đồng cho vay bán lẻ số: **582/18/NHNT.CS**, ngày 03/5/2018 với số tiền gốc là 1.000.000.000đ. Thời gian vay vốn là 11 tháng. Lãi suất 9,3%/năm. Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn cho đến nay (30/9/2019) bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 1.092.566.850đ; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 32.613.699đ; lãi quá hạn là 59.953.151đ.

Để đảm bảo trả nợ, bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q thế chấp cho Ngân hàng tài sản Tại Hợp đồng thế chấp số 29/06A/NHNT ngày 29/6/2016 gồm:

- 01 thửa đất số 51; tờ bản đồ số 23a; Tại thôn Plei Kia, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai được Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 540668, ngày 10/6/2015.

- 01 thửa đất số 86; tờ bản đồ số 135; Tại thôn Plei Phun, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 787107, ngày 07/6/2016.

- 01 thửa đất số 107; tờ bản đồ số 30; Tại thôn Plei Thoh Ga A, xã Chư Don, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 624110, ngày 20/11/2015.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày 30/9/2019 là 1.092.566.850đ; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 32.613.699đ; lãi quá hạn là 59.953.151đ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q không trả nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ.

Trong bản tự khai – Đơn xin cứu xét, (Tại phiên tòa hôm nay – Bị đơn xin vắng tại phiên tòa) trình bày:

Có nội dung: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q đồng ý với số tiền gốc đã vay theo hợp đồng là 1.000.000.000đ, với mục đích vay về để đầu tư trồng tiêu nhưng đến nay tiêu đã chết hết nên không có khả năng trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Hiện anh chị đã đi làm ăn xa để lấy tiền nuôi con.

Nay anh Q và chị D yêu cầu Ngân hàng miễn lãi suất, gia hạn vốn vay và

không chuyển nhóm nợ.

*** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát.**

Không.

* Đối với tài liệu, chứng cứ của vụ án: Trong vụ án này, nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn với bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà D và ông Q trả cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày 30/9/2019 là 1.092.566.850đ; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 32.613.699đ; lãi quá hạn là 59.953.151đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ tiền vay cho bà D và ông Q đúng thời gian và tiến độ sử dụng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay bà D và ông Q đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Theo quy định của các hợp đồng tín dụng thì khi đến kỳ hạn trả nợ nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc, lãi và không được điều chỉnh, gia hạn kỳ hạn trả nợ gốc, lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Do bà D và ông Q đã vi phạm điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng đã yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bà D và ông Q thanh toán tổng số tiền đến ngày 30/9/2019 là 1.092.566.850đ; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 32.613.699đ; lãi quá hạn là 59.953.151đ.

Việc tính lãi của Ngân hàng theo mức lãi suất mà ngân hàng áp dụng đối với bị đơn theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, do đó việc tính lãi của Ngân hàng là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được Tòa án triệu tập đến lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D và ông Q đều vắng mặt không có lý do mà ông Q bà D chỉ có Đơn xin cứu xét và Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy đối với yêu cầu của bà D và ông Q không được Ngân hàng chấp nhận. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà D và ông Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày 30/9/2019 là 1.092.566.850đ; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 32.613.699đ; lãi quá hạn là 59.953.151đ.

[3] Về yêu cầu xử lý các tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà D và ông Q cho Ngân hàng là hợp pháp. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các hợp đồng tín dụng trên để thu hồi nợ khi bà D và ông Q không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật. Án phí đối với số tiền 1.092.566.850đ là: $36.000.000đ + (292.566.850đ \times 3\%) = 44.777.000đ$. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các điều 274; 275; 280; 292; 299, 320, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N thông qua Phòng giao dịch huyện Chư Sê, Chi nhánh Gia Lai số tiền tính đến ngày 30/9/2019 là: 1.092.566.850đ; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 32.613.699đ; lãi quá hạn là 59.953.151đ.

“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng

phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.”

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q không thanh toán dứt điểm số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai phát mãi đối với tài sản mà bà Diệp và ông Quân đã thế chấp cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Đoàn Ngọc Minh Q phải chịu án phí DS – ST đối với số tiền 1.092.566.850đđ là: 36.000.000đ + (292.566.850đ x 3%) = 44.777.000đ, để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng TMCP N–Phòng giao dịch huyện Chư Sê, Chi nhánh Gia Lai được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 21.328.685đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000672, ngày 16/5/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh;
- THA dân sự huyện Chư Pưh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Nam Trung

\

